

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09/10/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự: " Tranh chấp thừa kế về tài sản " đã thụ lý số: 241/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1929

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre

* Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Hồng P1, sinh năm 1950

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre

- Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre

- Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp E, xã Quới Sơn, huyện C tỉnh Bến Tre

- Bà Lê Thị Hồng N1, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre

- Ông Lê Thành T2, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp A, xã Quới Sơn, huyện C tỉnh Bến Tre

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp E, xã Quới Sơn, huyện C tỉnh Bến Tre

- Bà Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre

- Lê Thị Hồng P, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp L, xã Quới Sơn, huyện C tỉnh Bến Tre

- Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hồng P1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc N, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L thống nhất di sản của bà Trần Thị K để lại là phần đất có diện tích 3956,6m², trong đó 3056,6m² là đất CLN, 900m² là đất thổ cư, đất thuộc thửa 281, 375, 376, 377, 378 tờ 33; thửa cũ là thửa 430(CLN), 431(ONT), một phần thửa 432 tờ 4(CLN), thửa 428(ONT), một phần thửa 429(CLN), một phần thửa 433(ONT), một phần thửa 625(CLN) tờ 4, tọa lạc tại xã B, huyện C tỉnh Bến Tre. Phần đất thửa 430, 431, 432 tờ 4 do bà Trần Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 135851 do UBND huyện C cấp cho bà Trần Thị K ngày 20/8/1990. Phần đất thửa 428, 429 tờ 4 do hộ Lê Thị Ngọc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 990403 do UBND huyện C cấp cho hộ Lê Thị Ngọc D ngày 17/02/2004. Phần đất thửa 433, 625 tờ 4 do bà Lê Thị Ngọc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 053234 do UBND huyện C cấp cho bà Lê Thị Ngọc D ngày 20/8/1990.

Ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hồng P1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc N, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L thống nhất chia thừa kế phần đất 3956,6m² nêu trên như sau:

1. Ông Lê Thành T2 được nhận thừa kế phần đất có diện tích 100m² cùng cây trồng trên đất thuộc thửa 281-2b, trong đó 25m² (CLN) có giá trị 8.750.000đồng, 75m²(T) có giá trị 37.500.000đồng. Tổng giá trị đất là 46.250.000đồng (*Bốn mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp phần còn lại của thửa 281 có chiều dài cạnh là 6.68m, Nam giáp thửa 282 có chiều dài cạnh là 6.68m, Đông giáp phần còn lại của thửa 281 có chiều dài cạnh 15m, Tây giáp thửa 273 có chiều dài cạnh 15m.

Phần đất 3856,6m² còn lại sau khi trừ diện tích nhà thờ và nhà mồ là 228.3m² còn lại là 3628,3m² chia làm 10 kỷ phần bằng nhau, ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hồng P1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc N, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế.

Bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc N, ông Lê Văn H đồng ý cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Lê Văn T được nhận.

Bà Lê Thị Hồng P1 đồng ý cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Lê Thị Hồng T1 được nhận.

Mỗi kỳ phân thừa kế là 362.8m^2 , trong đó gồm 287.8m^2 (CLN) có giá trị 100.730.000đồng và 75m^2 (T) có giá trị là 37.500.000đồng. Như vậy mỗi kỳ phân thừa kế có giá trị là 138.230.000đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng*). Cụ thể:

2. Ông Lê Văn T được nhận phần đất có cả công trình phụ là các ngôi mộ, cây trồng trên đất có diện tích 206.7m^2 thuộc thửa 375-1a + phần đất có diện tích 207.6m^2 thuộc thửa 375-1b + phần đất có diện tích 203.9m^2 thuộc thửa 375-1c, tổng diện tích đất được nhận là 618.2m^2 . Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp thửa 374 có chiều dài cạnh là 44.24m, Nam giáp thửa 376 có chiều dài cạnh là 33.52m, 0.68m, 12.10m, Đông giáp thửa 374 có chiều dài cạnh 3.53m, 3.55m, 3.53m, Tây giáp thửa 273 có chiều dài cạnh 5.78m, 5.77m, 5.78m.

Ông Lê Văn T được nhận phần đất có cả cây trồng trên đất có diện tích 910.6m^2 thuộc các thửa 281-1, 281-2a, 281-3. Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp thửa 377 có chiều dài cạnh là 30.88m, 4.38m, 5.53m, Nam giáp thửa 282, 283, 284 có chiều dài cạnh là 6.68m, 10.36m, 17.01m, 6.17m, Đông giáp thửa 281 có chiều dài cạnh 14.54m, 2.25m, 19.07m, Tây giáp thửa 273 có chiều dài cạnh 15.00m, 17.55m, 0.50m.

Phần đất ông T được nhận thừa kế trong đó có 300m^2 đất thổ cư.

3. Bà Lê Thị Hồng P được nhận thừa kế phần đất có cả cây trồng trên đất có diện tích 225.2m^2 thuộc thửa 376-1, trong đó có 75m^2 đất thổ cư. Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp thửa 375 có chiều dài cạnh là 33.52m, 0.68m, 12.10m, Nam giáp phần còn lại của thửa 376 có chiều dài cạnh là 46.45m, Đông giáp thửa 374 có chiều dài cạnh 4.78m, Tây giáp thửa 273 có chiều dài cạnh 4.94m.

4. Bà Lê Thị Hồng L được nhận thừa kế phần đất có cả cây trồng trên đất có diện tích 225.7m^2 thuộc thửa 376-2, trong đó có 75m^2 đất thổ cư. Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp thửa 376 có chiều dài cạnh là 46.45m, Nam giáp phần còn lại của thửa 376 có chiều dài cạnh là 45.86m, Đông giáp thửa 374 có chiều dài cạnh 4.78m, Tây giáp thửa 273 có chiều dài cạnh 2.94m, 2.09m.

5. Ông Lê Văn C được nhận thừa kế phần đất có cả cây trồng trên đất có diện tích 236.5m^2 thuộc thửa 376-3, trong đó có 75m^2 đất thổ cư. Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp thửa 376 có chiều dài cạnh là 45.86m, Nam giáp thửa 377 có chiều dài cạnh là 33.90m, 10.92m, Đông giáp thửa 374 có chiều dài cạnh 4.79m, Tây giáp thửa 273 có chiều dài cạnh 4.96m.

6. Bà Lê Thị Hồng N1 được nhận thừa kế phần đất có cả nhà + công trình phụ cùng cây trồng trên đất có diện tích 623.6m^2 thuộc các thửa 377-1, 377-2, 377-3, 377-4, 377-5, trong đó có 75m^2 đất thổ cư. Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp thửa 376 có chiều dài cạnh là 33.90m, 10.92m, Nam giáp thửa 281 có chiều dài cạnh là 30.88m, 4.38m, 5.53m, Đông giáp thửa 374, 378 có chiều dài cạnh 10.39m, 5.02m, Tây giáp thửa 273 có chiều dài cạnh 9.23m, 6.76m.

7. Bà Lê Thị Hồng T1 được nhận thừa kế phần đất có nhà, công trình phụ, công trình mộ, cây trồng trên đất có diện tích 80.1m^2 thuộc các thửa 281-2c, 281-7 và đất có diện tích 697.6m^2 thuộc các thửa 378-1, 378-2, 378-3, 378-4, 378-5. Tổng diện tích đất bà T1 được nhận thừa kế là 777.7m^2 , trong đó có 150m^2 đất thổ cư. Đất nhận có tứ cận: Bắc giáp thửa 377, 374 có chiều dài cạnh là 5.53m, 5.02m, 8.42m,

27.60m, Nam giáp thửa 284 có chiều dài cạnh là 16.26m, Đông giáp thửa 295, 280, 279 có chiều dài cạnh 28.62m, 25.13m, 4.89m, 4.34m, 4.41m, Tây giáp thửa 281 có chiều dài cạnh 19.07m, 2.25m, 14.54m.

8. Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hồng P1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc N, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L được đồng đứng tên chủ sử dụng căn nhà thờ gắn liền đất có diện tích $168.2m^2 + 27.7m^2$ thuộc thửa 281-5 + 281-4 trong đó có $75m^2$ đất thổ cư và ngôi nhà mồ gắn liền đất có diện tích $32.4m^2$ thuộc thửa 281-6.

9. Ông Lê Văn C, bà Lê Thị Hồng P1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc N, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L đồng ý cho ông Lê Văn T được ở quản lý sử dụng căn nhà thờ có diện tích $168.2m^2 + 27.7m^2$ thuộc thửa 281-5 + 281-4 và nhà mồ có diện tích $32.4m^2$ thuộc thửa 281-6 để thờ cúng ông bà.

** Phần đất ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L được nhận thừa kế có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/10/2019 kèm theo.*

10. Ghi nhận ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hồng P1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc N, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản đồ vật trong căn nhà thờ.

11. Ông Lê Văn T có trách nhiệm giao cho bà Lê Thị Hồng P số tiền là 48.160.000đồng (*Bốn mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng*) là số tiền giá trị đất chênh lệch.

12. Bà Lê Thị Hồng N1 có trách nhiệm giao cho bà Lê Thị Hồng L số tiền là 47.985.000đồng (*Bốn mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) là số tiền giá trị đất chênh lệch.

13. Bà Lê Thị Hồng N1 có trách nhiệm giao cho ông Lê Văn C số tiền là 43.295.000đồng (*Bốn mươi ba triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) là số tiền giá trị đất chênh lệch.

14. Bà Lê Thị Hồng T1 có trách nhiệm giao cho ông Lê Văn C số tiền là 910.000đồng (*Chín trăm mười ngàn đồng*) là số tiền giá trị đất chênh lệch.

15. Bà Lê Thị Hồng T1 có trách nhiệm giao cho ông Lê Văn T số tiền là 17.325.000đồng (*Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

16. Ghi nhận việc bà Lê Thị Ngọc D tự nguyện rút đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất có diện tích $629m^2$ thuộc thửa 430 tờ 4 tại xã B huyện C tỉnh Bến Tre (Đơn yêu cầu độc lập ngày 19/8/2019). Tòa án ghi nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà D.

17. Ông Lê Văn C, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng L được quyền liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được nhận thừa kế nêu trên cũng như quyền sở hữu tài sản gắn liền đất đối với căn nhà và nhà mồ trên đất thuộc thửa 281-4, 281-5, 281-6.

** Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa trả số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất*

theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

18. Chi phí tố tụng là 9.000.000đồng (*Chín triệu đồng*), nguyên đơn ông Lê Văn C đã tạm ứng nộp xong.

Ông Lê Văn T phải hoàn lại cho ông C là 3.280.000đồng (*Ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

Bà Lê Thị Hồng P phải hoàn trả lại cho ông C là 820.000đồng (*Tám trăm hai mươi ngàn đồng*).

Bà Lê Thị Hồng L phải hoàn trả lại cho ông C là 820.000đồng (*Tám trăm hai mươi ngàn đồng*).

Bà Lê Thị Hồng N1 phải hoàn trả lại cho ông C là 820.000đồng (*Tám trăm hai mươi ngàn đồng*).

Bà Lê Thị Hồng T1 phải hoàn trả lại cho ông C là 1.640.000đồng (*Một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Ông Lê Thành T2 phải hoàn trả lại cho ông C là 820.000đồng (*Tám trăm hai mươi ngàn đồng*).

Án phí DSST có giá ngạch:

- Miễn án phí cho ông Lê Văn C, bà Lê Thị Hồng N1, ông Lê Thành T2 do là người cao tuổi.

- Giá trị tài sản ông T được nhận thừa kế là:

+ $138.230.000\text{đồng} \times 4 = 552.920.000\text{đồng}$ (*Năm trăm năm mươi hai triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng*).

+ Ông Lê Văn T phải nộp là 13.058.000đồng (*Mười ba triệu, không trăm năm mươi tám ngàn đồng*).

- Giá trị tài sản bà P được nhận thừa kế là: 138.230.000đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng*).

Bà Lê Thị Hồng P phải nộp là 3.455.000đồng (*Ba triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

Số tiền án phí trên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.460.000đồng theo biên lai thu số 0004761 ngày 14/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà P được hoàn lại 5.000đồng (*Năm ngàn đồng*).

- Giá trị tài sản bà L được nhận thừa kế là: 138.230.000đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng*).

Bà Lê Thị Hồng L phải nộp là 3.455.000đồng (*Ba triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

Số tiền án phí trên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.158.000đồng theo biên lai thu số 0004774 ngày 27/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà L còn phải nộp là 1.297.000đồng (*Một triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng*).

- Giá trị tài sản bà T1 được nhận thừa kế là: 276.460.000đồng (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Bà Lê Thị Hồng T1 phải nộp là 6.912.000đồng (*Sáu triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng*). Số tiền án phí trên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.158.000đồng theo biên lai thu số 0004753 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện C, bà T1 còn phải nộp là 4.754.000đồng (*Bốn triệu, bảy trăm năm mươi bốn ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành.
- Hai bên đương sự.
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng